

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chuyển một số trụ sở làm việc cũ sang cho
Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiếp nhận, quản lý, sử dụng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Công văn số 7380-CV/TU ngày 09/6/2025 của Tỉnh ủy về phương án sắp xếp trụ sở làm việc, tài sản công của các cơ quan, đơn vị khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã và phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đợt 1 năm 2025;

Căn cứ Công văn số 4295/BQP-TM ngày 23/7/2025 của Bộ Quốc phòng về việc tiếp nhận đất, tài sản trên đất của UBND tỉnh Sơn La giao cho Bộ CHQS tỉnh Sơn La để bố trí đóng quân cho Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số: 1345/TTr-STC ngày 31/12/2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển một số trụ sở làm việc cũ sang cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiếp nhận, quản lý, sử dụng, như sau:

1. Về đất: Số lượng 07 khu đất; tổng diện tích đất: 15.827 m²; tổng giá trị quyền sử dụng đất: 37.811.490.385 đồng.

2. Về nhà và tài sản gắn liền với đất: Tổng nguyên giá 23.700.079.000 đồng; giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đến ngày 31/12/2024: 11.902.927.020 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Lý do điều chuyển: Các trụ sở dôi dư sau sắp xếp sáp nhập cấp xã. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh có nhu cầu tiếp nhận để đảm bảo trụ sở làm việc phục vụ công tác cho các Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực. Việc điều chuyển tài sản mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính: Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hạch toán tăng, giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và môi trường: Hướng dẫn Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh lập hồ sơ đăng ký, chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; phối hợp rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất *(nếu có)*.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Thực hiện tiếp nhận, quản lý, sử dụng, hạch toán tăng tài sản, tính hao mòn năm 2025 theo chế độ kế toán hiện hành, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định; việc tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

b) Lập hồ sơ đăng ký, chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường: Mộc Châu, Sông Mã, Thuận Châu, Mai Sơn để rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4. UBND các xã, phường: Mộc Châu, Sông Mã, Thuận Châu, Mai Sơn

a) UBND các xã, phường: Mộc Châu, Sông Mã, Thuận Châu, Mai Sơn thực hiện bàn giao tài sản cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; việc tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; hạch toán giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành.

b) UBND xã Mai Sơn chủ trì xác định, làm rõ diện tích đất bị lấn chiếm *(nếu có)* tại điểm trường Tiểu học Chu Văn Thịnh, chủ trì làm việc với các cơ quan chức năng để xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

c) UBND các xã, phường: Mộc Châu, Sông Mã, Thuận Châu, Mai Sơn phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thực hiện đăng ký, chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và môi trường, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; các xã, phường: Mộc Châu, Sông Mã, Thuận Châu, Mai Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Thiện 20 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tiến

PHỤ LỤC

DANH MỤC ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT TRỤ SỞ LÀM VIỆC
ĐIỀU CHUYỂN CHO BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH SƠN LA TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tài sản/ Cơ quan đơn vị	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích đất	Diện tích nhà (m ²)			Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại đến 31/12/2024 (theo sổ sách kế toán)	Ghi chú
				Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà			
	TỔNG CỘNG		15.827	1.862	2.460	3.040	61.511.569.385	49.714.417.405	
	Đất		15.827				37.811.490.385	37.811.490.385	
	Nhà và tài sản gắn liền với đất			1.862	2.460	3.040	23.700.079.000	11.902.927.020	
I	THỊ XÃ MỘC CHÂU (cũ)								
1	Trụ sở Trung tâm kỹ thuật Nông nghiệp thị xã Mộc Châu cũ/ địa chỉ: phường Mộc Châu		1.125,0	150,0	150,0	430,0	9.581.257.000	7.141.372.480	
-	Đất	2016	1.125,0				2.803.800.000	2.803.800.000	
-	Nhà	2016		150,0	150,0	430,0	6.777.457.000	4.337.572.480	

2	Trụ sở (mới) của UBND phường Mường Sang cũ		4.922,5	200,0	200,0	500,0	12.987.163.385	11.703.699.385	
-	Đất	2021	4.922,5				4.965.513.385	4.965.513.385	
-	Nhà	2021		200,0	200,0	500,0	8.021.650.000	6.738.186.000	
3	Trụ sở (cũ) của UBND phường Mường Sang cũ		1.512,7				2.480.940.000	2.480.940.000	
-	Đất	2014	1.512,7				2.480.940.000	2.480.940.000	
II	HUYỆN THUẬN CHÂU (cũ)								
	Trụ sở làm việc của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thuận Châu cũ / Địa chỉ: Xã Thuận Châu		1.205,8	478,0	658,0	658,0	6.481.954.000	4.631.604.000	
-	Đất		1.205,8				4.204.200.000	4.204.200.000	
-	Nhà và tài sản gắn liền với đất, gồm:			478,0	658,0	658,0	2.277.754.000	427.404.000	
	Nhà làm việc 2 tầng (07 phòng)	2012		180,0	360,0	360,0	964.766.000	128.218.000	
	Nhà làm việc cấp IV (04 phòng)	2012		144,0	144,0	144,0	789.988.000	106.186.000	
	Nhà làm việc cấp IV (03 phòng)	2003		84,0	84,0	84,0	203.000.000		
	Công trình phụ	2012		10,0	10,0	10,0	20.000.000	5.000.000	
	Nhà để xe	2012		60,0	60,0	60,0	50.000.000	5.000.000	

	Cổng + hàng rào	2012					250.000.000	183.000.000	
III	HUYỆN SÔNG MÃ (cũ)								
1	Trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sông Mã cũ		1.114,8	246,0	587,0	587,0	4.792.098.000	1.478.101.540	
-	Đất	2007	1.114,8				1.145.537.000	1.145.537.000	
-	Nhà và tài sản gắn liền với đất, gồm:			246,0	587,0	587,0	3.646.561.000	332.564.540	
	Nhà làm việc 3 tầng	2007		170,0	511,0	511,0	3.076.158.000	-	
	Nhà công vụ	2018		76,0	76,0	76,0	255.332.000	183.839.040	
	Sân cổng tường rào	2007					62.620.000		
	Mái để xe đằng trước	2024					60.000.000	52.500.000	
	Nhà để xe đằng sau	2021					156.251.000	78.125.500	
	Sửa chữa nhà để xe (đằng trước)	2021					36.200.000	18.100.000	
2	Trụ sở làm việc của Trạm Chăn nuôi & Thú y (cũ) của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện cũ		264,3	72,5	150,0	150,0	4.480.000.000	4.067.200.000	
-	Đất	2003	264,3				4.000.000.000	4.000.000.000	
-	Nhà	2003		72,5	150,0	150,0	480.000.000	67.200.000	

IV	HUYỆN MAI SƠN (cũ)								
	Điểm Trường Tiểu học Chu Văn Thỉnh/ Trường Tiểu học 7 THCS Chu Văn Thỉnh. Địa chỉ: Xã Mai Sơn		5.682,0	715,0	715,0	715,0	20.708.157.000	18.211.500.000	
-	Đất		5.682,0		-		18.211.500.000	18.211.500.000	
-	Nhà và tài sản gắn liền với đất, gồm:			715,0	715,0	715,0	2.496.657.000	-	
	Nhà số 1 (3 phòng) - Tiểu học CVT	1982		296,0	296,0	296,0	931.289.000	-	
	Nhà số 2 (3 phòng) - Tiểu học CVT	1991		136,0	136,0	136,0	455.091.000	-	
	Nhà số 5 (2 phòng) - Tiểu học CVT	2001		154,0	154,0	154,0	582.088.000	-	
	Nhà số 6 (3 phòng) - Tiểu học CVT	2009		129,0	129,0	129,0	430.753.000	-	
	Sân trường	2000		2.144,0	2.144,0		97.436.000	-	